

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1933/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Việt Nam (theo định hướng nghiên cứu)

Tiếng Anh: Vietnamese Language

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Việt Nam

Mã số: 8 22 01 02

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 02 năm.

Vị trí việc làm: Thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, quản lý chuyên môn và các vị trí khác thuộc chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Tham gia đào tạo trình độ Tiến sĩ

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngôn ngữ Việt Nam có phẩm chất tốt, có kiến thức khoa học nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề để nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp
M2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Việt Nam
M3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến
M4	Phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong lĩnh vực ngôn ngữ Việt Nam
M5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học về ngôn ngữ Việt Nam

M6	Phát triển năng lực tư vấn, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Việt Nam
M7	Phát triển năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về ngôn ngữ Việt Nam

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành; Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Thể hiện sự trung thực, đoàn kết, cầu thị, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc
C3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và quản lý hoạt động nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam
C5	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận văn học hiện đại và phương pháp luận nghiên cứu văn học vào nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam.
C6	Vận dụng kiến thức cơ bản về văn học hiện đại vào nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam.
C7	Vận dụng kiến thức về giáo dục Ngữ văn hiện đại vào nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam.
C8	Cập nhật các thành tựu và xu hướng nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam
C9	Xác định được hướng nghiên cứu về ngôn ngữ Việt Nam; vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu ngôn ngữ học vào thực tiễn.
C10	Phổ biến kết quả nghiên cứu trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành; tổ chức hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành ngôn ngữ học.

C11	Tư vấn, tổ chức, quản lý và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học về ngôn ngữ Việt Nam tại các cơ sở đào tạo.
-----	---

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể						
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7
C1	X				X		
C2	X			X	X		
C3		X			X		
C4			X	X			
C5		X		X			
C6		X		X			
C7		X		X			X
C8		X		X			
C9				X		X	
C10					X		
C11						X	X

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Các học phần chung	09
II	Các học phần cơ sở	20
	II.1. Bắt buộc	12
	II.2. Tự chọn	08
III	Các học phần chuyên ngành	21
	III.1. Bắt buộc	12
	III.2. Tự chọn	09
IV	Luận văn tốt nghiệp	10
	TỔNG	60

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tốt nghiệp đại học ngành đúng (*Ngôn ngữ học, Ngữ văn*), ngành gần với ngành đăng ký dự thi (*kết quả học của từng môn học bổ sung kiến thức đạt từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10*) như: *Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu, Hán nôm, Biên tập xuất bản, Báo chí, Việt Nam học, Đông phương học...*

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ứng với khóa học, năm học và học kì. Thời gian thiết kế cho một khóa đào tạo là 2 năm đối với đối tượng học viên có bằng tốt nghiệp đại học cùng ngành đào tạo hoặc gần ngành đào tạo. Thời gian tối đa hoàn thành một chương trình đào tạo (bao gồm cả thời gian nghỉ học tạm thời được quy định trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2) không vượt quá 4 năm. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) và các điều kiện bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình, các điều kiện khác theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định;

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm tổng hợp đánh giá học phần.

Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm tổng hợp đánh giá học phần từ 4,0 trở lên.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kì qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy:

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm số đã quy đổi theo thang điểm 4 của các học phần đã học từ đầu khoá học tới thời điểm được xem xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá luận văn thạc sĩ

1. Luận văn được đánh giá công khai bởi Hội đồng đánh giá luận văn. Nội dung đánh giá tập trung vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu của luận văn theo quy định; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn (tối đa 9 điểm) và điểm thành tích nghiên cứu (tối đa 1 điểm). Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I	Các học phần chung		9					
1.	Triết học	PHIL 501	4	30	30			90
2.	Tiếng Anh	ENGL 504	5	45	30			150
II	Các học phần cơ sở		20					
II.1	Bất buộc		12					
3.	Thi pháp học	LITE 511	3	30	30			90

4.	Ngôn ngữ và văn học	LITE 512	3	30	30			90
5.	Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học	LITE 513	3	30	30			90
6.	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường	LITE 514	3	30	30			60
II.2	Tự chọn (chọn 04 trong 10 học phần)		8					
7.	Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông	LLTM 521	2	15	30			60
8.	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	LLTM 522	2	15	30			60
9.	Tiếp nhận văn học	LLTM 523	2	15	30			60
10.	Những vấn đề lý luận của văn học so sánh	LLTM 524	2	15	30			60
11.	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam	LLTM 525	2	15	30			60
12.	Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945	LLTM 526	2	15	30			60
13.	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975	LLTM 527	2	15	30			60
14.	Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng	LLTM 528	2	15	30			60
15.	Ngôn ngữ nghệ thuật	LLTM 529	2	15	30			60
III	Các môn chuyên ngành		21					
III.1	Bắt buộc		12					
16.	Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	VILA 541	3	30	30			90
17.	Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt	VILA 542	3	30	30			90
18.	Những vấn đề thời sự của ngữ dụng học	VILA 543	3	30	30			90
19.	Phong cách học - Những vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt	VILA 544	3	30	30			90
III.2	Tự chọn (Chọn 3 trong 10 học phần)		09					
20.	Việt ngữ học đại cương	VILA 551	3	30	30			90
21.	Cú pháp tiếng Việt	VILA 552	3	30	30			90
22.	Nghĩa học Việt ngữ	VILA 553	3	30	30			90
23.	Cấu tạo từ và vấn đề dạy học cấu tạo từ ở trường phổ thông	VILA 554	3	30	30			90
24.	Dẫn luận ngữ pháp chức năng	VILA 555	3	30	30			90
25.	Phân tích diễn ngôn	VILA 556	3	30	30			90
26.	Đọc hiểu văn bản trong nhà trường	VILA 557	2	15	30			60

27.	Một số khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại	VILA 558	3	30	30			90
28.	Thành ngữ học	VILA 559	3	30	30			90
29.	Ân dụ, hoán dụ ý niệm trong tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn.	VILA 560	3	30	30			90
IV	Luận văn tốt nghiệp		10					
	TỔNG		60					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
PHIL 501	T										
ENGL 504			T								
LITE 511		I			T						
LITE 512		I					T				
LITE 513		I		T							
LITE 514		I						T			
LLTM 521		I				T					T
LLTM 522		I			T						T
LLTM 523		I			T						
LLTM 524		I			T						
LLTM 525		I				T					
LLTM 526		I				T					
LLTM 527		I				T					
LLTM 528		I					T				
LLTM 529		I					T				
VILA 541		I					T	T	T	I	
VILA 542		I					T	T	T	I	
VILA 543		I					T	T	T	I	
VILA 544		I					T	T	T	I	
VILA 551		I					T	T	T	I	
VILA 552		I					T	T	T	I	
VILA 553		I					T	T	T	I	I
VILA 554		I					T	T	T	I	T
VILA 555		I					T	T	T	I	
VILA 556		I					T	T	T	I	
VILA 557		I					T	T	T	I	T
VILA 558		I					T	T	T	I	

VILA 559		I					T	T	T	I	
VILA 560		I					T	T	T	I	

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học

Học phần dành cho đối tượng học viên sau đại học ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

8.2. Tiếng Anh

Học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo Thạc sỹ có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B1 (tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

8.3. Thi pháp học

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp học như: một số vấn đề cơ bản của thi pháp học hiện đại (quan niệm, đối tượng, cách tiếp cận đặc trưng; phân biệt thi pháp học với phong cách học, lý luận văn học); những khuynh hướng nghiên cứu và thành tựu của thi pháp học (Thi pháp học khái quát, Thi pháp học mô tả, Thi pháp học lịch sử); Tiềm năng và những giới hạn của thi pháp học. Học phần này cung cấp một hướng giải mã văn bản văn học, do đó nó có mối quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*.

8.4. Ngôn ngữ và văn học

Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học; giúp người học hiểu, giải thích được bản chất của hoạt động giao tiếp văn chương, đặc biệt là vai trò của tín hiệu thẩm mĩ trong tác phẩm văn chương. Từ đó vận dụng những tri thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn chương, về tín hiệu thẩm mĩ văn chương để phục vụ hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh phổ thông và phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Môn học này có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ như *Ngôn ngữ nghệ thuật*, *Phong cách học - Những vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt*, *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*.

8.5. Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức khoa học về phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học. Từ đó, người học có thể ứng dụng vào việc nghiên cứu và giảng dạy cụ thể tác giả, tác phẩm, đặc biệt là các tác phẩm văn học được giảng dạy trong trường phổ

thông. Học phần này học phần *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và iảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

8.6. Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường

Học viên tiếp tục nghiên cứu mở rộng vấn đề dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh quốc tế với các xu hướng đổi mới. Thông qua học phần này, học viên được tiếp cận với các nghiên cứu quốc tế về chương trình Ngữ văn, đánh giá theo tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thiết kế bài học... Đồng thời giúp học viên rèn luyện kĩ năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình nghiên cứu và học tập của chuyên ngành. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – tiếng Việt.

8.7. Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông

Học phần này có vai trò quan trọng đối với việc đào tạo cao học Lý luận văn học bởi thực tiễn đã cho thấy đại bộ phận học viên cao học ngữ văn trong các trường ĐHSP là GV phổ thông và SVSP mới tốt nghiệp. Ở trình độ Đại học, người học mới được tìm hiểu về các vấn đề Lý luận văn học. Khi học cao học, học viên sẽ tiếp tục được ứng dụng các lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn. Từ đó, người học có thể phát triển chương trình học phần, thiết kế các nội dung giảng dạy và hiểu được cách thức, phương pháp giảng dạy nội dung đó. Học phần này thể hiện sự ứng dụng cụ thể của lý thuyết lý luận văn học vào thiết kế và dạy học Ngữ văn, do đó, nó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lý luận văn học khác và những học phần thuộc về phương pháp giáo dục như: *Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại và Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập.*

8.8. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông

Người học đi sâu nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của văn học nước ngoài; những khó khăn khi giảng dạy văn học nước ngoài ở phổ thông; giúp người học phát triển khả năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học trên cơ sở so sánh các văn bản văn học trong và ngoài nước. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần về chuyên ngành phương pháp như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập, Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn, ...*

8.9. Tiếp nhận văn học

Học phần này đi vào một phần lý thuyết hiện đại của lý luận văn học là mĩ học tiếp nhận. Trước đây, người ta chưa nhận thức đúng mức vai trò của người đọc trong hoạt động văn học, tuy nhiên khi lý thuyết tiếp nhận ra đời và được ứng dụng, vai trò của người đọc đã được nâng lên một tầm mức mới. Lúc này, nghiên cứu văn học được định hình như là những cách đọc xuất phát từ những lý thuyết khác nhau mà mỗi lý thuyết là một cách nhìn về tác phẩm. Ở trình độ đại học, sinh viên đã được giới thiệu sơ lược một số vấn đề về Tiếp nhận văn học trong đó nhấn trọng tâm vào phương pháp tiếp nhận. Ở trình độ thạc sĩ, người học có điều kiện đi sâu vào tìm hiểu các vấn

đề của lý thuyết tiếp nhận văn học hiện đại và cách ứng dụng lý thuyết này vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy văn học. Học phần này quan tâm đến sự giải mã văn học của người đọc, do đó nó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lý luận văn học như *Thi pháp học*, *Những vấn đề lý luận của văn học so sánh* và các học phần văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, ngôn ngữ trong chương trình như *Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông*, *Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945*, *Ngôn ngữ nghệ thuật*...

8.10. Những vấn đề lý luận của văn học so sánh

Học phần cung cấp cho người học những tri thức mang tính lý luận về văn học so sánh như: Lịch sử ra đời, những quan niệm về văn học so sánh; mục đích, đối tượng, phạm vi... của văn học so sánh; Những vấn đề lý luận và thực tiễn đang tồn tại của văn học so sánh trên thế giới và ở Việt Nam. Qua đó, học viên có những hiểu biết sâu rộng về các vấn đề của văn học so sánh – một hướng nghiên cứu văn học có khả năng ứng dụng cao. Học phần này quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*.

8.11. Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam

Học phần nhấn mạnh những đặc trưng của văn học Việt Nam trung đại: quy phạm - bất quy phạm, văn tự, thể loại, khuynh hướng sáng tác, ngôn ngữ...; đặt tác phẩm văn học trung đại trong bối cảnh văn hóa đương thời. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác giả*, *tác phẩm văn học*, *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông*, *Tiếp nhận văn học*, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập*...

8.12. Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945

Học phần này tiếp tục mở rộng, đào sâu những vấn đề về văn xuôi Việt Nam 1930 -1945 mà SV ngành Sư phạm Ngữ văn đã được trang bị ở bậc Đại học. Cái mới của học phần này ở trình độ đào tạo Thạc sĩ là:

- Bổ sung, cập nhật những nội dung lý thuyết về văn xuôi hiện đại Việt Nam nói chung và văn xuôi 1930-1945 nói riêng.
- Đào sâu, phát triển các nội dung khoa học về văn xuôi Việt Nam 1930-1945.
- Nâng cao hơn nữa trình độ nghiên cứu và giảng dạy văn xuôi Việt Nam hiện đại trong trường THPT.

Sau khi học học phần này, học viên Cao học sẽ phát triển được các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn xuôi hiện đại một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác giả*, *tác phẩm văn học*, *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông*, *Tiếp nhận văn học*, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập*...

8.13. Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975

Học phần này nghiên cứu mở rộng, chuyên sâu những vấn đề về thơ Việt Nam mà học viên đã được trang bị ở bậc Đại học. Cái mới của học phần này ở trình độ đào tạo Thạc sĩ là:

- Bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ.

- Nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy phần thơ Việt Nam giai đoạn 1945 -1975 trong chương trình Ngữ văn ở trường THPT.

Sau khi học học phần này, học viên Cao học sẽ phát triển được những kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

8.14. Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng

Học phần tập trung vào một số nội dung có tính thời sự trong đời sống ngôn ngữ - xã hội ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay, đó là vấn đề ngôn ngữ trong giáo dục (dạy-học tiếng mẹ đẻ, ngoại ngữ; vấn đề lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy trong môi trường đa ngữ; vấn đề kế hoạch hoá ngôn ngữ trong giảng dạy; chính sách ngôn ngữ trong giáo dục v.v); vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong đời sống xã hội (sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng); vấn đề dịch, từ điển học, bệnh lý ngôn ngữ; quan hệ giữa ngôn ngữ và luật pháp (ngôn ngữ học hình sự). Từ những tri thức này, người học có thể vận dụng vào hoạt động giảng dạy hoặc nghiên cứu ngôn ngữ nói chung, nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng nói riêng. Môn học có quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam như *Ngôn ngữ và văn học*.

8.15. Ngôn ngữ nghệ thuật

Học phần *Ngôn ngữ nghệ thuật* cung cấp cho học viên Cao học chuyên ngành Ngôn ngữ học các nội dung nghiên cứu về: Cơ sở lý thuyết của việc tiếp cận ngôn ngữ nghệ thuật (Những vấn đề chung về nghệ thuật, lý thuyết tín hiệu học và lý thuyết ngôn ngữ học, cơ sở tâm lý học-văn hóa học), bản chất và chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng của văn bản nghệ thuật; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Từ những tri thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông hoặc vận dụng vào mục đích nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như *Ngôn ngữ và văn học, Phong cách học - Những vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt*.

8.16. Những vấn đề cơ bản của Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại và toàn diện về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (cấu tạo từ, nghĩa của từ, từ đa nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm) đặc biệt là những vấn đề còn có nhiều ý kiến tranh luận, hoặc nhiều cách giải khác nhau. Đồng thời, học phần còn giúp cho học viên hình thành, rèn luyện những kỹ năng phân tích, nhận diện và đánh giá các hiện tượng từ vựng, rèn luyện năng lực tư duy và sử dụng tiếng mẹ đẻ khi nói và viết. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần khác

như *Việt ngữ học đại cương*, *Câu tạo từ và vấn đề dạy học câu tạo từ ở trường phổ thông*, *Thành ngữ học*, *Nghĩa học Việt ngữ...*

8.17. Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt

Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề khái quát về ngữ pháp (đặc điểm, các bộ phận, lĩnh vực của ngữ pháp và quan hệ của nó với các bộ phận khác của ngôn ngữ); những vấn đề cụ thể của ngữ pháp tiếng Việt (từ loại, ngữ chính phụ, câu và các bình diện nghiên cứu câu). Học phần có sự nâng cao so với chương trình ở bậc đại học ở chỗ: học viên sẽ được tiếp cận với các phương pháp phân tích câu và những ưu, nhược điểm của từng phương pháp: theo cấu trúc chủ - vị (ngữ pháp truyền thống), theo cấu trúc vị từ - tham thế (ngữ pháp ngữ nghĩa), theo cấu trúc đề - thuyết (ngữ pháp chức năng), theo cấu trúc cái cho sẵn - cái mới (lý thuyết thông tin). Trên cơ sở đó, học viên có thể ứng dụng một cách hiệu quả trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với các học phần khác trong chương trình như: *Việt ngữ học đại cương*, *Cú pháp tiếng Việt*, *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, *Phân tích diễn ngôn*.

8.18. Những vấn đề thời sự của Ngữ dụng học

Học phần trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản nhất về ngữ dụng học và ngữ dụng học tiếng Việt như sự ra đời của ngữ dụng học và dụng học Việt ngữ, chiêu vật và chỉ xuất, hành vi ngôn ngữ, lý thuyết lập luận, lý thuyết hội thoại, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn đồng thời cũng đưa ra một số vấn đề liên quan với ngữ dụng học trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời học phần cũng hình thành cho người học kĩ năng phân tích ngôn ngữ trong ngữ cảnh, kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trong học tập, nghiên cứu và hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần khác như : *Việt ngữ học đại cương*, *Đọc hiểu văn bản trong nhà trường*, *Ngôn ngữ học tri nhận...*

8.19. Phong cách học - Những vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt

Môn học cung cấp các nội dung: Những vấn đề chung về Phong cách học, các hướng nghiên cứu của Phong cách học, vận dụng các thành tựu nghiên cứu vào xem xét các biểu hiện cụ thể của tiếng Việt trong các phong cách ngôn ngữ, đặc biệt là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, phân tích văn bản/ diễn ngôn nghệ thuật. Từ đó, người học vận dụng vào việc giải quyết các bài tập, tích lũy kiến thức cho công việc nghiên cứu và giảng dạy văn học, tiếng Việt. Môn học còn cung cấp cho người học các phương pháp nghiên cứu Phong cách học để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Môn học có liên quan trực tiếp đến các môn học khác trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ như: *Đọc hiểu văn bản trong nhà trường*, *Ngôn ngữ nghệ thuật*, *Phân tích diễn ngôn...*

8.20. Việt ngữ học đại cương

Học phần trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản và nâng cao về các đơn vị tiếng Việt ở các cấp độ khác nhau: ngữ âm - âm vị học, từ vựng học, ngữ pháp học và ngữ nghĩa học. Trên cơ sở đó, người học có một cái nhìn tổng thể về bức tranh Việt ngữ học nói chung đồng thời có khả năng giải thích những sự kiện ngôn ngữ cụ thể trong

đời sống của người Việt. Học phần hình thành cho người học một số kỹ năng, thủ pháp phân tích, xử lý ở mức độ đơn giản những sự kiện ngôn ngữ cụ thể. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam: *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt*

8.21. Cú pháp tiếng Việt

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng nhất của cú pháp học hiện đại (khái niệm, thủ pháp phân tích, cách biểu diễn kết quả phân tích), từ đó áp dụng vào nghiên cứu những vấn đề của cú pháp tiếng Việt. Quan điểm được học phần lựa chọn là quan điểm của ngữ pháp ngữ nghĩa, áp dụng cho tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập, không biến đổi hình thái. Học phần lấy cú (clause) làm đơn vị cú pháp cơ sở, từ đó tiến hành các thao tác phân tích câu. Một số vấn đề của cú pháp truyền thống sẽ được định vị lại trong khung ngữ pháp ngữ nghĩa. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với các học phần khác trong chương trình như: *Việt ngữ học đại cương, Nghĩa học Việt ngữ, Dẫn luận ngữ pháp chức năng, Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt..*

8.22. Nghĩa học Việt ngữ

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng và hiện đại nhất của ngữ nghĩa học. Trên cơ sở đó, tiến hành phân tích ngữ nghĩa tiếng Việt, cả về nghĩa học từ vựng lẫn nghĩa học cú pháp. Học phần chú trọng phân biệt rõ các khái niệm *nghĩa* (meaning) và *ý nghĩa* (sense); phân biệt *năng biểu / sở biểu* với *cái biểu đạt / cái được biểu đạt; ý nghĩa* với *thông tin được truyền đạt; nghĩa từ vựng* với *nghĩa ngữ pháp; nghĩa của câu* với *nghĩa của phát ngôn; cách thức nghiên cứu nghĩa của câu* với *cách thức nghiên cứu nghĩa của phát ngôn*, v.v.. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích ý nghĩa của các đơn vị từ vựng, ý nghĩa của câu và phát ngôn trong tiếng Việt. Các tri thức và kỹ năng này sẽ là cơ sở giúp người học sau này khi ra trường có thể làm tốt những công việc được giao (giảng dạy, nghiên cứu, làm báo, làm biên tập ở các nhà xuất bản...). Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần khác như *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt.*

8.23. Cấu tạo từ và dạy học cấu tạo từ ở phổ thông

Cấu tạo từ, xét ở mặt tinh, là cái đã có, đã tồn tại trong từ. Nhưng xét về mặt hoạt động, nó là kết quả của quá trình mà ngôn ngữ sử dụng các nguyên liệu sẵn có để tạo ra các từ nhằm đáp ứng các nhu cầu của giao tiếp. Vì thế, việc nghiên cứu cấu tạo từ, trước hết phải phát hiện chính các quá trình này, phát hiện được các nguyên liệu, và các phương thức sử dụng để tạo từ. Từ đó thấy rõ hiện nay phương thức nào không còn hoạt động và phương thức nào sức vận động còn mạnh. Từ kết quả nghiên cứu về cấu tạo từ, người học có năng lực xử lý các hiện tượng trung gian về kiểu cấu tạo đảm bảo tính khoa học và tính sư phạm, đồng thời, có kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học cấu tạo từ có hiệu quả ở trường phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác như *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt.*

8.24. Dẫn luận ngữ pháp chức năng

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng nhất của ngữ pháp chức năng hiện đại. Trên cơ sở quan điểm được tổng kết từ những nghiên cứu của Dik, Halliday và Cao Xuân Hạo, học phần hướng học viên áp dụng cách phân tích của ngữ pháp chức năng cho tiếng Việt nhằm thấy được những đặc điểm thực sự của một ngôn ngữ đơn lập, không biến đổi hình thái. Học phần lấy kết cấu vị tính (predication) làm đơn vị cơ sở để phân tích câu, lần lượt trên các bình diện: cấu trúc (Structure), nghĩa (Meaning) và công dụng (Function). Các vấn đề của cú pháp truyền thống sẽ được định vị lại trong khung ngữ pháp chức năng. Đặc biệt, học phần hướng học viên vào những vấn đề tranh luận mà ngữ pháp chức năng đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm khêu gợi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của học viên. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam như *Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt*, *Phân tích diễn ngôn*.

8.25. Phân tích diễn ngôn

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng nhất của phân tích diễn ngôn, bao gồm mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và hệ các vấn đề có liên quan đến phân tích diễn ngôn. Từ việc hiểu và nhận biết các khái niệm diễn ngôn, các đặc tính của diễn ngôn, các loại diễn ngôn, người học biết cách vận dụng lý thuyết và phương pháp phân tích diễn ngôn để thực hành tiếp nhận, phân tích, miêu tả khi nghiên cứu các bộ phận của diễn ngôn. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với các học phần khác trong chương trình như: *Nghĩa học Việt ngữ*, *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, *Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt*, *Những vấn đề thời sự của ngữ dụng học*.

8.26. Đọc hiểu văn bản trong nhà trường

Trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn, đọc hiểu văn bản chỉ là một nội dung mang tính kĩ thuật của môn Phương pháp dạy học. Bậc học Thạc sĩ, học phần *Đọc hiểu văn bản* sẽ trang bị cho người học những tri thức nền của đọc hiểu như *văn bản*, *các tầng nghĩa trong văn bản*, *chủ thể người đọc* để người học có năng lực xây dựng chiến lược đọc hiểu cho mình và năng lực tổ chức hoạt động đọc hiểu hiệu quả ở trường phổ thông. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho người học năng lực xây dựng chiến lược đọc hiểu văn bản, biết xác định mục đích, kế hoạch, kĩ thuật đọc hiểu, làm chủ các loại văn bản; năng lực tổ chức hoạt động đọc hiểu hiệu quả ở trường phổ thông và biết sử dụng sáng tạo các kĩ thuật đánh giá kết quả đọc hiểu văn bản. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam như Ngôn ngữ và văn học.

8.27. Một số khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại

Học phần giới thiệu cơ sở phương pháp luận, những đặc điểm chủ yếu của một số khuynh hướng cơ bản trong ngôn ngữ học hiện đại như miêu tả luận Mĩ, Ngữ vị học, cấu trúc chức năng luận, ngữ pháp tạo sinh, ngữ pháp chức năng; gợi ý về những ứng dụng thực tiễn quan trọng của các khuynh hướng này vào việc nghiên cứu tiếng Việt.

8.28. Thành ngữ học

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức mở rộng và nâng cao về thành ngữ tiếng Việt trên hai phương diện lý thuyết và thực tiễn sử dụng. Về phương diện lý thuyết, học phần đi sâu giới thiệu những vấn đề cốt lõi của thành ngữ tiếng Việt như nguồn gốc, đặc điểm cấu trúc - ngữ nghĩa, xem xét thành ngữ từ góc độ văn hóa. Về phương diện thực tiễn, học phần giúp người học nắm được một số cách thức sử dụng thành ngữ trong hoạt động giao tiếp. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho người học những kỹ năng cần thiết khi sử dụng thành ngữ trong hoạt động giao tiếp. Học phần có mối quan hệ mật thiết với học phần *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*.

8.29. Ảnh dụ, hoán dụ ý niệm trong tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn

Môn học cung cấp những tri thức về ảnh dụ, hoán dụ ý niệm: ý niệm và ý niệm hóa, bản chất, mô hình cấu trúc ảnh dụ, hoán dụ ý niệm; đặc điểm ý niệm miền nguồn – đích; phân loại ảnh dụ, hoán dụ ý niệm; tính hệ thống cấu trúc của những ảnh dụ và hoán dụ ý niệm; cơ chế tri nhận của các ảnh dụ, hoán dụ ý niệm; pha trộn ý niệm của các ảnh dụ, hoán dụ; tính phổ quát và tính đặc thù của cơ chế tri nhận ảnh dụ, hoán dụ; bức tranh ngôn ngữ về thế giới qua ảnh dụ và hoán dụ ý niệm. Từ đó, môn học hướng người học vào phân tích, giải mã và giảng dạy tác phẩm văn học theo những cơ chế tri nhận của ảnh dụ và hoán dụ - hai phương thức chuyển nghĩa cơ bản của tư duy. Môn học có liên quan trực tiếp đến các môn học khác trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ như: *Đọc hiểu văn bản trong nhà trường, Ngôn ngữ nghệ thuật, Nghĩa học Việt ngữ*.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nhà trường

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức, quản lý quá trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.2. Phòng Đào tạo

- Làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ của Trường về đào tạo;

- Phối hợp với Khoa và Tổ chuyên môn để tổ chức và quản lý việc đào tạo theo đúng Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

9.3. Khoa Ngữ văn

- Xây dựng và định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Tiếp nhận và quản lý học viên trong suốt quá trình đào tạo;

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

9.4. Bộ môn PPDH Ngữ văn

- Phối hợp cùng Khoa và Phòng Đào tạo trong công tác quản lý, tổ chức đào tạo.

9.5. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia các hoạt động rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

9.6. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

- Phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định. Đa

